TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 83/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05-9-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Lanh.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Võ Văn Chính**.
2. Bà **Trần Thị Thu Hà**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Ngô Thị Quyên -** Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019, về tranh chấp *"ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2019/QĐXX-ST ngày 20 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Lê Thị Thúy N** – sinh năm: 1982 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thành N1** – sinh ngày: 06/6/1979 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Phú An, xã Trung Thành Đông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/02/2019 trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lê Thị Thúy N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thành N1 do quen biết rồi đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 1999 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Thành Đông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 15/9/2004.

Sau ngày cưới vợ chồng chị sống chung gia đình cha mẹ chồng, thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 18 đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N1 thường hay đi nhậu, khi nhậu về thì kiếm chuyện đánh chị và còn cờ bạc bên ngoài, không chăm lo cho gia đình, không quan tâm đến vợ con. Chị và anh N1 đã không còn sống chung với nhau từ tháng 11 năm 2018 cho đến nay.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thành N1.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Quyền T, sinh ngày 26/10/2000 và cháu Nguyễn Thị Quyền T1, sinh ngày 07/12/2002. Cháu Quyền T đã thành niên nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Quyền T1 hiện nay đang sống chung với chị N. Sau khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Quyền T1, không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung gồm có:

+ Phần đất chuyên trồng lúa nước, thửa 223, tờ bản đồ số 2 diện tích 1.105,8m^2;

+ Phần đất chuyên trồng lúa nước, thửa 332, tờ bản đồ số 2 diện tích 1.418,8m^2 , trên đất có căn nhà cấp 4 trị giá căn nhà khoảng 50.000.000đ;

Cả hai thửa đất trên cùng tọa lạc ấp Phú An, xã Trung Thành Đông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do chị N và anh N1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại đơn khởi kiện chị N yêu cầu chia tài sản là chị N được quản lý, sử dụng thửa đất chuyên trồng lúa nước, thửa 223, tờ bản đồ số 2 diện tích 1.105,8m^2 , chị đồng ý để anh N1 được quản lý, sử dụng phần đất chuyên trồng lúa nước, thửa 332, tờ bản đồ số 2 diện tích 1.418,8m^2 và căn nhà trên đất và yêu cầu anh N1 thanh toán lại chị ½ giá trị căn nhà là 25.000.000đ. Ngày 10/6/2019 chị N có đơn yêu cầu rút lại yêu cầu chia tài sản và tại phiên tòa hôm nay chị N xin rút lại một phần yêu cầu chia tài sản chị N không yêu cầu chia tài sản.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Lê Thị Thúy N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Thành N1 vắng mặt tại phiên tòa hôm nay nhưng tại bản khai ý kiến ngày 06/5/2019 trong quá trình tham gia tố tụng anh Nguyễn Thành N1 trình bày: Anh không thống nhất theo lời trình bày của chị N về mối quan hệ hôn nhân, anh và chị N do quen biết rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Thành Đông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long nhưng anh không thống nhất theo lời trình bày của chị N về nguyên nhân mâu thuẫn thì anh không thống nhất với ý kiến của chị N, anh và chị N không có mâu thuẫn, tự ý chị N đi từ tháng 10 năm 2018 đến nay. Anh có đi tìm chị N nhưng không tìm được, chị N yêu cầu ly hôn với anh anh không đồng ý mà anh yêu cầu đoàn tụ do anh còn thương vợ thương con.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Quyền T, sinh ngày 26/10/2000 và cháu Nguyễn Thị Quyền T1, sinh ngày 07/12/2002. Cháu Quyền T đã thành niên nên anh N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Quyền T1 hiện nay đang sống chung với chị N. Trường hợp Tòa án chấp nhận

yêu cầu ly hôn của chị N thì anh N1 yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Quyền T1, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung gồm có:

+ Phần đất chuyên trồng lúa nước, thửa 223, tờ bản đồ số 2 diện tích 1.105,8m^2;

+ Phần đất chuyên trồng lúa nước, thửa 332, tờ bản đồ số 2 diện tích 1.418,8m^2 , trên đất có căn nhà cấp 4 trị giá căn nhà khoảng 50.000.000đ;

Cả hai thửa đất trên cùng tọa lạc ấp Phú An, xã Trung Thành Đông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do chị N và anh N1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi ly hôn chị N yêu cầu được quản lý, sử dụng thửa đất chuyên trồng lúa nước, thửa 223, tờ bản đồ số 2 diện tích 1.105,8m^2 , chị N đồng ý để anh N1 được quản lý, sử dụng phần đất chuyên trồng lúa nước, thửa 332, tờ bản đồ số 2 diện tích 1.418,8m^2 và căn nhà trên đất và yêu cầu anh N1 thanh toán lại chị N ½ giá trị căn nhà là 25.000.000đ thì anh N1 hoàn toàn không đồng ý vì vào năm 2018 anh N1 đã chuyển nhượng một phần diện tích của thửa 332 cho chị Nguyễn Thị Hồng với giá là 146.000.000đ anh N1 đã nhận đủ tiền. Nhưng chưa làm thủ tục tách thửa sang tên cho chị Hồng. Mục đích anh N1 chuyển nhượng đất cho chị Hồng để anh N1 trả nợ.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh Nguyễn Thành N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện ngày 19/02/2019, Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh (bản sao); 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (photo); Đơn xác nhận; Dịch vụ chuyển phát nhanh; Đơn yêu cầu rút một phần đơn khởi kiện.

Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến; Giấy chứng minh nhân dân (bản sao).

Tại phiên tòa hôm nay, đương sự khẳng định không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Lê Thị Thúy N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân giữa chị và anh Nguyễn Thành N1. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của

Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Thành N1 vắng mặt, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh N1 nhưng anh N1 cũng không đến. Nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh N1.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thúy N và anh Nguyễn Thành N1 do quen biết tự tìm hiểu nhau rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 1999 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Thành Đông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 15/9/2004 nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh N1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống theo chị N trình bày thì thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 18 năm đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N1 thường hay đi nhậu, khi nhậu về thì kiếm chuyện đánh chị và còn cờ bạc bên ngoài, không chăm lo cho gia đình, không quan tâm đến vợ con. Chị N và anh N1 đã không còn sống chung với nhau từ tháng 11 năm 2018 cho đến nay. Anh N1 trình bày anh và chị N không có mâu thuẫn, vợ chồng cũng không có cự cải với nhau, anh còn tình cảm với chị N. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh N1, anh N1 không đồng ý mà anh N1 yêu cầu được đoàn tụ vì anh N1 còn thương vợ thương con. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án thì Tòa án có tiến hành hòa giải để động viên chị N và anh N1 quay về đoàn tụ với nhau nhưng cho đến nay chị N và anh N1 không đoàn tụ được, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh N1, chị N trình bày không còn tình cảm với anh N1. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh N1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị N và anh N1 đã không còn chung sống với nhau trong thời gian dài mà không thể hàn gắn đoàn tụ được, anh N1 vắng mặt nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thúy N.

Về con chung: Chị N và anh N1 có 02 con chung tên Nguyễn Thị Quyền T, sinh ngày 26/10/2000 và cháu Nguyễn Thị Quyền T1, sinh ngày 07/12/2002. Cháu Quyền T đã thành niên chị N và anh N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Hiện nay cháu Quyền T1 đang sống với chị N, sau khi ly hôn chị N yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Quyền T1, không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con. Anh N1 không đồng ý giao cháu Quyền T1 cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, anh N1 yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Quyền T1 và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Quyền T1 là có cơ sở do hiện nay cháu Quyền T1 đang sống chung với chị N và tại bảng khai ý kiến ngày 06/3/2019 của cháu Quyền T1 thì nguyện vọng của cháu Quyền T1 muốn sống với chị N nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của chị N, giao cháu Nguyễn Thị Quyền T1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh N1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Không chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của anh N1.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu chia tài sản, anh N1 vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh N1 vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Thúy N phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thúy N.

Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Thúy N được ly hôn với anh Nguyễn Thành N1.

Về con chung: Chị Lê Thị Thúy N và anh Nguyễn Thành N1 thống nhất xác định có 02 con chung tên Nguyễn Thị Quyền T, sinh ngày 26/10/2000 và cháu Nguyễn Thị Quyền T1, sinh ngày 07/12/2002. Cháu Quyền T đã thành niên chị N và anh N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Giao cháu Nguyễn Thị Quyền T1 cho chị Lê Thị Thúy N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Thành N1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị Thúy N không yêu cầu chia tài sản, anh Nguyễn Thành N1 vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Lê Thị Thúy N không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Thành N1 vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Thúy N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 2.308.000đ (Hai triệu ba trăm lẻ tám nghìn đồng) mà chị Lê Thị Thúy N đã nộp theo biên lai thu số N^{0}0009590, ngày 20/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Hoàn trả lại cho chị Lê Thị Thúy N 2.008.000đ (Hai triệu không trăm lẻ tám nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Trung Thành Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Lanh